TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NL** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST Ngày: 16 - 7- 2020 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Dân

Ông Bùi Xuân Thành

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà **H** Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lường Thị **Đ**; sinh năm: 1983; nơi cư trú: Làng **L**, xã **PG**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn **H**; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Làng **L**, xã **PG**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị **Đ**, anh **H**. Chị **Đ** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh **H** vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lường Thị **Đ** trình bày: Chị và anh Lê Văn **H** kết hôn tự nguyện, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ tháng 08/2003, nhưng mãi đến ngày 15/4/2004 mới đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã **PG**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng

hoà thuận đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **H** không quan tâm gì đến gia đình, chỉ ham chơi cờ bạc, rượu chè. Chị và hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2013 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **H**.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Thuý **DP**, sinh ngày 14/8/2003 và cháu Lê Mỹ **DN**, sinh ngày 16/8/2006. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **DP**, giao cháu **DN** cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị **Đ** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Văn **H** để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị **Đ** nhưng anh **H** không có mặt nên không có lời khai của anh **H** và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **Đ** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **H** không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Lường Thị **Đ** được ly hôn anh Lê Văn **H**. Giao cháu Lê Thị Thuý **DP**, sinh ngày 14/8/2003 cho chị **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Mỹ **DN**, sinh ngày 16/8/2006 cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Lê Văn **H** không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **H** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh **H** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh **H** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh **H** lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh **H** vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt

anh **H**.

Chị Lường Thị **Đ** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị **Đ**.

[2] Về hôn nhân: Chị Lường Thị **Đ** và anh Lê Văn **H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/4/2004 tại UBND xã **PG**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh **H** không quan tâm gì đến gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2013 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh **H** lên làm việc để anh **H** được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh **H** đều không có mặt, thể hiện anh **H** không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị **Đ**, anh **H** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị **Đ** được ly hôn anh **H**.

[3] Về con cái: Chị **Đ** và anh **H** có 02 con chung. Cháu **DP** có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, cháu **DN** có nguyện vọng muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, giao cho mỗi người trực tiếp nuôi mỗi cháu là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế, cũng như theo nguyện vọng của các cháu. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị **Đ**, giao cháu **DP** cho chị **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **DN** cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị **Đ** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị **Đ** được ly hôn anh Lê Văn **H**.

2. Về con cái: Giao cháu Lê Thị Thuý **DP**, sinh ngày 14/8/2003 cho chị **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Mỹ **DN**, sinh ngày 16/8/2006 cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **Đ**, anh **H** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lường Thị **Đ** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2018/0006819 ngày 04/02/2020. Chị **Đ** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị **Đ**, anh **H**. Chị **Đ**, anh **H** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã **PG**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Nguyễn Hữu Dân	**Bùi Xuân Thành**	**Nguyễn Thanh Tân**